

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO
Đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của
Ban KT-NS HĐND tỉnh

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15, ngày 13 tháng 11 năm 2021 của
Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022;*

*Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19
tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng
03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức
phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa
phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 114 /TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm
2022 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua mức hỗ trợ nguồn và vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (sau đây viết tắt là Chương trình MTQG XDNTM) giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đối với cơ chế đặc thù được áp dụng cho cả khu vực đô thị.

2. Mục tiêu

- Tiếp tục giữ vững và nâng chất đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2011 -2021.

- Tập trung thực hiện và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới đối với các xã đề đến năm 2025: có 90/90 xã, tương đương 100% số xã đạt chuẩn; 45/90 xã, tương đương 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 09/90 xã, tương đương 10% xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; 05 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới; 02 huyện đạt huyện nông thôn mới nâng cao.

3. Mức hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng cho toàn tỉnh để thực hiện các công trình hạ tầng áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù. Riêng đối với các huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Hớn Quản, Đồng Phú và Phú Riềng, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ thêm một phần bằng tiền, phần còn lại huy động ngân sách cấp huyện, cấp xã và nhân dân, doanh nghiệp, các tổ chức hợp pháp khác.

b) Hỗ trợ 100% ngân sách cho một số nội dung (có Phụ lục kèm theo, mục I). Hỗ trợ ngân sách nhà nước cho các xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới và cho các huyện để thực hiện các nội dung xây dựng huyện nông thôn mới (có Phụ lục kèm theo, mục II).

3. Nguồn vốn

a) Giai đoạn 2022 - 2025: Hàng năm, ngân sách tỉnh cho Chương trình MTQG XDNTM đối ứng với ngân sách Trung ương theo mức:

- Vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 1,5 lần đối với vốn đầu tư phát triển Trung ương hỗ trợ.

- Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 1,5 lần đối với vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ.

b) Ưu tiên bố trí một phần từ nguồn vượt thu hàng năm ngân sách các cấp để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

c) Ngân sách cấp huyện: Bố trí để cùng ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác nhằm đạt chuẩn theo chỉ tiêu hàng năm và lộ trình giai đoạn 2022-2025.

d) Phát huy tối đa nguồn lực xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện Chương trình. Gắn kết chặt chẽ giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu, các dự án hỗ trợ khác trên địa bàn.

5. Ưu tiên hỗ trợ, phân bổ vốn

a) Nội dung, định mức, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương theo đối tượng xã, huyện

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG XDNTM và điều kiện thực tế của tỉnh để phân bổ kinh phí cho các xã, các huyện về đích theo lộ trình hàng năm và giai đoạn, cụ thể:

- Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022) theo đối tượng xã. Trong đó, đối với xã đặc biệt khó khăn, hệ số quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, phần còn lại ưu tiên tập trung cho các xã đã về đích năm 2021 nhưng chất lượng tiêu chí còn chưa cao.

- Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2022 - 2025 theo đối tượng xã, huyện, cụ thể:

- + Đối với xã: Xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới, hệ số quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, phần còn lại ưu tiên tập trung cho các xã về đích trong năm.

- + Đối với huyện: Phân bổ cho 03 huyện Lộc Ninh, Phú Riềng, Hớn Quản theo lộ trình phân đầu về đích.

b) Nội dung, định mức, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh theo đối tượng xã, huyện.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG XDNTM và điều kiện thực tế của tỉnh để phân bổ kinh phí cho các xã, các huyện về đích theo lộ trình hàng năm và giai đoạn với các nội dung phân bổ:

- Mua xi măng tập trung thực hiện cơ chế đặc thù trong Chương trình MTQG XDNTM.

- Hỗ trợ các huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh, Hớn Quản, Đồng Phú và Phú Riềng thực hiện thực hiện chỉ tiêu đường bê tông xi măng, cơ chế đặc thù và chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới khác.

- Hỗ trợ xã về đích trong năm (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu): Đảm bảo xã về đích năm sau mức hỗ trợ cao hơn xã về đích năm trước.

- Hỗ trợ huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình được duyệt (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu).

- Thường công trình phúc lợi và các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khác.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các công trình, dự án xây dựng nông thôn mới đã được thực hiện theo quy định tại: Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2018 - 2020; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 07 năm 2019 Sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2018-2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại các Nghị quyết trên cho đến khi hoàn thành.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2018-2020; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 07 năm 2019 của HĐND tỉnh sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2018-2020 và bãi bỏ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ năm thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT, Bộ TC, Bộ TP (Cục kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ
*(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**I. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ
100% ĐỂ THỰC HIỆN**

- Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, Mặt trận tổ quốc trong xây dựng nông thôn mới; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện).

II. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung xã nông thôn mới (theo tổng mức đầu tư của từng công trình, dự án):

TT	Nội dung được hỗ trợ	Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách cho các xã còn lại
1	Giao thông		
1.1	Đường giao thông đến trung tâm xã (xây dựng và nâng cấp)	100%	100%
1.2	Đường trục liên thôn, liên ấp	90%	80%
1.3	Đường giao thông thôn, ấp; xóm, tổ	85%	75%
1.4	Đường giao thông nội đồng	80%	70%
2	Công trình thủy lợi		
2.1	Công trình đầu mối và hệ thống kênh tưới, tiêu chính	100%	100%
2.2	Kênh mương nội đồng, hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã	70%	60%
3	Xây dựng, hoàn thiện trường học đạt chuẩn		
3.1	Xây dựng phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị, thư viện và các hạng mục để đạt chuẩn	100%	100%

3.2	Công trình phụ trợ: sân, hàng rào, nhà vệ sinh,...	95%	90%
4	Xây dựng Trạm Y tế xã, mạng lưới y tế cơ sở		
4.1	Xây dựng Trạm Y tế, trang thiết bị y tế và các hạng mục để đạt chuẩn	100%	100%
4.2	Công trình phụ trợ: sân, hàng rào, vườn thuốc nam,...	90%	90%
5	Xây dựng nhà văn hóa xã		
5.1	Nhà văn hóa xã, các hạng mục phụ trợ liên quan	100%	100%
5.2	Nhà văn hóa thôn, ấp	100%	100%
5.3	Công trình phụ trợ liên quan nhà văn hóa, thôn, ấp (sân, cổng, tường rào, nhà xe, nhà vệ sinh)	90%	85%
6	Công trình thể thao		
6.1	Công trình thể thao trung tâm xã	100%	100%
6.2	Công trình thể thao thôn, ấp	85%	75%
7	Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn		
7.1	Công trình cấp nước sinh hoạt	85%	80%
7.2	Công trình thoát nước thải khu dân cư	85%	80%
7.3	Hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn khác	85%	80%
8	Đầu tư cho thông tin, truyền thông, chuyển đổi số		
8.1	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	90%	85%
8.2	Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn	90%	85%
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn	100% (nhân dân đối ứng bằng chi phí giải phóng mặt bằng)	
10	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã	Xã hội hóa ở nơi thuận lợi, đầu tư NSNN đáp ứng cơ bản ở nơi không thể xã hội hóa	
11	Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp và Thủy sản	80%	75%
12	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp	80%	75%
13	Thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan,	90%	85%

	tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam		
14	Phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng	80%	70%
15	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã.	80%	70%
16	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn	85%	75%
17	Tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP	85%	85%
18	Hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn	95%	85%
19	Các công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, xây dựng đường vào nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn	95%	85%
20	Đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	95%	90%
21	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn	80%	70%
22	Các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn	90%	80%

2. Hỗ trợ ngân sách nhà nước để các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (theo tổng mức đầu tư của từng công trình, dự án):

TT	Nội dung được hỗ trợ	Tổng mức hỗ trợ	Tổng mức hỗ
----	----------------------	-----------------	-------------

		từ ngân sách cho huyện miền núi	trợ từ ngân sách cho các huyện còn lại
1	Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện	100%	100%
2	Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng	100%	95%
3	Phát triển y tế	100%	95%
4	Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải	90%	85%
5	Nước sạch tập trung	90%	85%
6	Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề	90%	85%
7	Chương trình OCOP	85%	85%

Ghi chú:

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Tạo điều kiện tối đa cho xã hội hóa. Đối với địa bàn khó khăn hoặc đang trong giai đoạn kêu gọi đầu tư thì ngân sách hỗ trợ xây dựng để đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhân dân.

- Riêng mức hỗ trợ cho các hạng mục khác đã được Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành quy định hoặc có danh mục trong Nghị quyết này nhưng mức quy định khác thì áp dụng theo văn bản quy định đó.

- Hàng năm, căn cứ vào số vốn Trung ương phân bổ cho tỉnh và vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh giao về cho các huyện, thị xã, thành phố: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động cân đối bố trí thêm các nguồn vốn và phân bổ cho các hạng mục, đảm bảo tỷ lệ phần vốn ngân sách nhà nước theo các bảng quy định trên.

- Đối ứng của cộng đồng dân cư là bằng: tiền, công lao động, giá trị quyền sử dụng đất, vật kiến trúc, cây con... Việc đối ứng trong tổng vốn của toàn bộ công trình hoặc đối ứng bằng hạng mục.